

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022

V/v tranh chấp về thay đổi người trực  
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Bà Lê Thị Nhanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Kim U, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ 157B Đ, Phường 11, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ 56 Samba Dr, North York, ON M9M 2N1, Canada.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2020 và Bản tự khai ngày 05 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn bà Lê Kim U trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 704/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận P, con chung tên Nguyễn Lê Ái K sinh ngày 01/6/2001 và Nguyễn Lê Anh K sinh

ngày 02/9/2012 do bà trực tiếp nuôi dưỡng và tự thỏa thuận mức cấp dưỡng cho con.

Năm 2019, do ông D có điều kiện kinh tế tốt hơn nên bà và ông D đã thỏa thuận giao con chung Nguyễn Lê Anh K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 894/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận P.

Cuối năm 2019, ông D trở về Canada sinh sống, trẻ K ở lại Việt Nam với bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là Nguyễn Lê Anh K cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

Bà xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 11 năm 2021 được Đại sứ quán Việt Nam tại Canada chứng nhận ngày 15/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn D có lời khai trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà Lê Kim U về việc kết hôn, ly hôn và con chung. Nay bà U yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Anh K sinh ngày 02/9/2012, ông đồng ý vì hiện nay trẻ K đang sống cùng với bà U, ông đang ở nước ngoài. Đồng thời, ông đồng ý với yêu cầu của bà U không yêu cầu ông cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Kim U và ông Nguyễn Văn D đã ly hôn, khi ly hôn, con chung tên Nguyễn Lê Anh K sinh ngày 02/9/2012 giao cho ông Nguyễn Văn D nuôi dưỡng. Hiện nay bà U là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, ông D đang sinh sống ở Canada và có lời khai đồng ý giao trẻ K cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời trẻ K có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà U. Do đó, bà U yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

**[1.1]** Về thẩm quyền của Tòa án:

Bà Lê Kim U là nguyên đơn hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Nguyễn Văn D cư trú tại Canada. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:**

Bà Lê Kim U, ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Kim U, ông Nguyễn Văn D.

**[2] Về nội dung:**

Bà Lê Kim U và ông Nguyễn Văn D đã ly hôn theo Quyết định giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn số 704/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân Quận P, về con chung có 02 con chung Nguyễn Lê Ái K, sinh ngày 01/6/2001 và Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 02/9/2012 giao cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng cho con.

Sau đó, bà Lê Kim U và ông Nguyễn Văn D thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 894/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận P giao con chung Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 02/9/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con chung Nguyễn Lê Ái K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Nay bà Lê Kim U khởi kiện yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 02/9/2012.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim U, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 894/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận P, ông Nguyễn Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 02/9/2012. Tuy nhiên hiện nay ông D đang ở Canada nên trẻ K do bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Xét từ năm 2019 đến nay trẻ K đã sống ổn định cùng bà U, được bà U chăm sóc tốt.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Nguyễn Lê Anh K ngày 07/12/2021, trẻ K có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ. Đối với ông D, ông có văn bản đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lê Anh K cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà U đã được ông D đồng ý, cụ thể ông D đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lê Anh K cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, việc này vừa đảm bảo sự ổn định cho sinh hoạt và học tập của con chung, vừa thể hiện sự đồng thuận không trái quy định pháp luật trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của ông D và bà U. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, giao con chung tên Nguyễn Lê Anh K sinh ngày 02/9/2012 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà U không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

**[3] Về án phí:**

Do yêu cầu của bà U được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim U.**

Giao con chung tên Nguyễn Lê Anh K sinh ngày 02/9/2012 cho bà Lê Kim U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Lê Kim U không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**2. Về án phí sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại bà Lê Kim U 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0094783 ngày 22/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Uyên**